

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP MAY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

Phạm Thị Bích Thu¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính của các doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu sử dụng kết hợp các tiêu chí đo lường chất lượng thông tin của IASB và FASB như tính thích hợp, tin cậy, có thể so sánh, kịp thời, dễ hiểu để đo lường chất lượng thông tin Báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp may. Thông qua khảo sát 145 nhà quản trị các cấp, kiểm soát và kế toán, kết quả nghiên cứu khẳng định môi trường pháp lý, đặc điểm công nghệ và phần mềm kế toán, năng lực nhân viên kế toán, tổ chức công tác kế toán và kiểm soát đều ảnh hưởng thuận chiều đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính. Trong đó, nhân tố tổ chức công tác kế toán, nhân tố môi trường pháp lý có tác động mạnh nhất đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính; tiếp đến là nhân tố năng lực nhân viên kế toán, đặc điểm công nghệ và phần mềm kế toán và cuối cùng là nhân tố kiểm soát nội bộ.

Từ khóa: Nhân tố, chất lượng thông tin, báo cáo tài chính, doanh nghiệp may.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Báo cáo tài chính (BCTC) là sản phẩm của hoạt động kế toán tài chính, là đầu ra của hệ thống thông tin kế toán, phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả tài chính của doanh nghiệp. BCTC cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, kết quả tài chính và các luồng tiền của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Đứng trên quan điểm của người cung cấp thông tin, thông tin trên BCTC là kết quả của quá trình tạo lập, trình bày và công bố thông tin của các đơn vị kế toán, bao gồm các thông tin tài chính (tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền) và thông tin phi tài chính (cơ hội, rủi ro, cơ cấu nhân sự, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, chính sách kế toán...). Thông tin trên BCTC luôn nhận được sự quan tâm từ nhiều đối tượng như nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác và bản thân các doanh nghiệp khi đưa ra các quyết định liên quan. Do vậy, làm thế nào để nâng cao tính minh bạch thông tin trên BCTC là việc hết sức quan trọng và cần thiết. Qua khảo sát sơ bộ, chất lượng thông tin báo cáo tài chính của doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa nói chung và doanh nghiệp may nói riêng còn tồn tại nhiều hạn chế như thông tin chưa đầy đủ, chưa phù hợp và kịp thời làm ảnh hưởng đến công tác quản trị doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này. Do vậy, bài viết nhằm xác định ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng thông tin BCTC của các doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức; Email: phambichthu@hdu.edu.vn

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT, MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Chất lượng thông tin báo cáo tài chính

Dưới góc độ người sử dụng thông tin, thông tin trên BCTC hỗ trợ thị trường vốn phát triển hiệu quả, vì vậy doanh nghiệp ngoài việc cung cấp thông tin theo quy định, doanh nghiệp cần phải bổ sung những thông tin mang tính chất tự nguyện về những phân tích đánh giá, các dự báo của nhà quản lý (Healy và Palepu, 2001).

Chất lượng thông tin trên BCTC chính là chất lượng của sản phẩm do công tác kế toán tài chính tạo ra thông qua quá trình thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin kế toán. Đo lường chất lượng thông tin BCTC theo phương pháp trực tiếp, dựa trên các thuộc tính được quy định bởi FASB & IASB là hướng nghiên cứu nhận được sự quan tâm trong thời gian gần đây (Geert Braam & Ferdy van Beest, 2013)

Theo quan điểm của Hội đồng chuẩn mực Kế toán quốc tế (IASB), chất lượng của thông tin trên BCTC gồm: có thể hiểu được, thích hợp, đáng tin cậy, có thể so sánh được và kịp thời.

Có thể hiểu được: Người đọc được giả thiết là có một kiến thức nhất định về kinh tế, kinh doanh, kế toán và thiện chí, nỗ lực để đọc BCTC.

Thích hợp: Thông tin có chất lượng khi nó thích hợp với nhu cầu đưa ra quyết định của người sử dụng. Thông tin thích hợp khi nó có thể giúp người đọc đánh giá quá khứ, hiện tại hoặc tương lai, hoặc xác nhận, điều chỉnh các đánh giá trước đó

Đáng tin cậy: Đáng tin cậy nghĩa là không có sai sót trọng yếu và không bị thiên lệch, đồng thời phản ánh trung thực vấn đề cần trình bày. Thông tin có thể thích hợp nhưng không đáng tin cậy.

Có thể so sánh được: Thông tin trên BCTC có chất lượng khi có thể so sánh được với năm trước, với doanh nghiệp khác.

Theo quan điểm của Hội đồng chuẩn mực Kế toán tài chính Mỹ (FASB), chất lượng của thông tin trên BCTC được đánh giá qua các đặc điểm: tính phù hợp, tính đáng tin cậy và khả năng so sánh được.

Tính phù hợp (tính thích hợp): Thông tin kế toán là thích hợp khi nó có khả năng thay đổi quyết định của người sử dụng. Để đảm bảo tính thích hợp, thông tin phải: Có giá trị dự đoán hay đánh giá và kịp thời.

Tính đáng tin cậy: Thông tin kế toán đáng tin cậy trong phạm vi nó có thể kiểm chứng, khi được trình bày trung thực và không có sai sót hoặc thiên lệch.

Khả năng so sánh được: Thông tin kế toán phải được đo lường và báo cáo theo cùng một phương thức để có thể so sánh được giữa các doanh nghiệp.

2.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính

Rapina (2014) kết luận chất lượng của thông tin báo cáo tài chính chịu sự tác động tích cực của hiệu quả hệ thống thông tin kế toán, sự cam kết của nhà quản trị, văn hóa doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp

Nghiên cứu của Đặng Thị Kiều Hoa (2016) về “Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính (BCTC) của doanh nghiệp vừa và nhỏ - Bằng chứng thực nghiệm tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn TP. HCM”; tác giả đưa vào phân tích các nhân tố: Quy định về Thuế; Quy mô công ty; Người lập BCTC; Tổ chức kiểm toán; Quyết định của nhà quản trị; Các quy định pháp lý về kế toán. Để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến BCTC trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại TP. HCM, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu: Định lượng (sử dụng mô hình SPSS 22.0) và định tính (xây dựng bảng khảo sát). Kết quả cho thấy, có 4 nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng BCTC, là: Quy định về thuế, quy mô công ty, người lập BCTC, các quy định pháp lý về kế toán.

Trong nghiên cứu của Nguyễn Thanh Bình và cộng sự (2020) trong nghiên cứu “Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng TP. HCM” đã chỉ ra nhân tố huấn luyện và đào tạo là quan trọng nhất trong mô hình hồi quy; tiếp theo là chất lượng dữ liệu đứng vị trí quan trọng thứ hai; Kiến thức sử dụng công nghệ hệ thống thông tin kế toán đứng vị trí quan trọng thứ ba; Trình độ năng lực kiến thức kế toán nhà quản lý đứng vị trí quan trọng thứ tư; Hiệu quả của phần mềm và các trình ứng dụng kế toán đứng vị trí quan trọng thứ năm và cuối cùng là Sự cam kết hỗ trợ của nhà quản lý trong các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán.

Lê Hoàng Vân Trang và cộng sự (2020) trong bài viết “Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại Thành phố Hồ Chí Minh” đã xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố bên trong đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy 4 nhân tố tác động đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết, được sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng giảm dần: bộ máy kế toán, nhà quản lý, chứng từ kế toán và thuế. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đã chỉ ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp niêm yết ở thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Căn cứ vào tổng quan các công trình nghiên cứu về chất lượng và các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin BCTC, tác giả đưa ra mô hình 5 nhân tố tác động đến chất lượng thông tin BCTC, gồm các nhân tố: Môi trường pháp lý; Nhân tố về đặc điểm công nghệ và phần mềm kế toán; Nhân tố năng lực nhân viên kế toán; Nhân tố về tổ chức công tác kế toán và Nhân tố về hoạt động kiểm soát nội bộ.

Nhân tố môi trường pháp lý: Đây là nhân tố được xem là cơ sở pháp lý để thực hiện công việc kế toán, đảm bảo cho hoạt động của kế toán phù hợp với những quy định của pháp luật. Douppnik and Salter (1992) đã nghiên cứu và chỉ ra tác động của hệ thống pháp luật đến sự phát triển của hệ thống kế toán tại các quốc gia khác nhau và đưa ra giả thuyết rằng, sự khác biệt về hệ thống pháp luật của các nước khác nhau có thể giải thích sự khác biệt trong sự phát triển của hệ thống kế toán. Hay nói cách khác, sự khác biệt về hệ thống kế toán chịu sự tác động từ yếu tố pháp lý như quy định pháp luật về thuế, kế toán, khung pháp lý, các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán; và từ sự khác nhau trong hệ thống kế toán dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính.

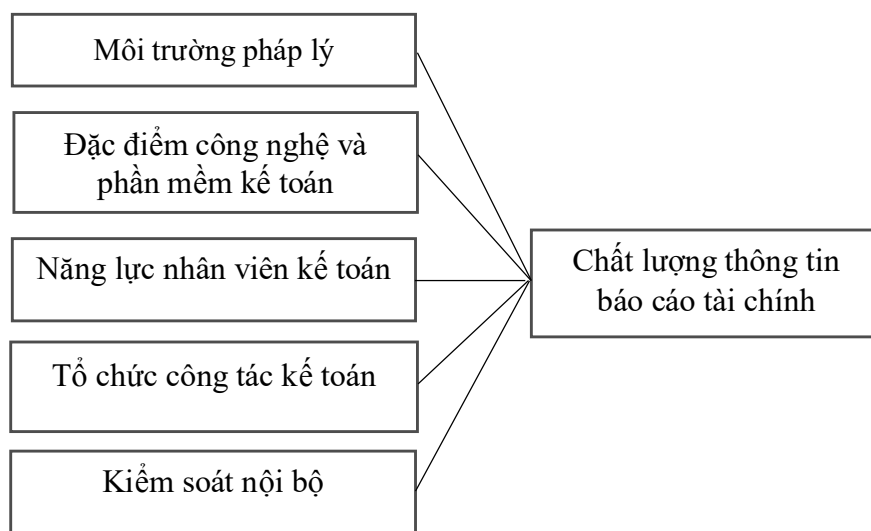
Nhân tố về đặc điểm công nghệ và phần mềm kế toán: Công nghệ thông tin và phần mềm kế toán là những nhân tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Phần mềm kế toán là ứng dụng trong đó tích hợp các nghiệp vụ của nhân viên kế toán. Việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ giải quyết được các vấn đề về chứng từ, sổ sách kế toán, đồng thời, phần mềm kế toán cũng giúp các doanh nghiệp trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính. Công nghệ hiện đại đảm bảo yêu cầu về mặt kỹ thuật; phần mềm kế toán được xây dựng phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị; phần mềm ít bị lỗi, giao diện thân thiện với người sử dụng là các tiêu chí quyết định đến chất lượng thông tin BCTC.

Nhân tố năng lực nhân viên kế toán: Là một nhân tố quan trọng tác động đến chất lượng thông tin BCTC bởi lẽ nhân viên kế toán là những người trực tiếp vận hành kế toán tại đơn vị. Nếu năng lực nhân viên kế toán không đáp ứng yêu cầu sẽ ảnh hưởng không tốt đến chất lượng thông tin BCTC. Theo Hari Setiyawati (2013) năng lực nhân viên kế toán là nhân tố có liên quan đáng kể đến chất lượng BCTC. Võ Văn Nhị (2013) qua phương pháp nghiên cứu tổng hợp lý thuyết và đúc kết từ thực tiễn, xác định các nhân tố có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin BCTC thuộc về năng lực của người làm công tác kế toán.

Nhân tố về tổ chức điều hành công tác kế toán: Tổ chức điều hành công tác kế toán từ việc tổ chức bộ máy, tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán, hệ thống báo cáo trong đơn vị nếu triển khai hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng thông tin BCTC.

Nhân tố về hoạt động kiểm soát nội bộ: Là một nhân tố quan trọng tác động đến chất lượng BCTC. Kiểm soát nội bộ vận hành nhằm đảm bảo độ tin cậy của thông tin kế toán, đảm bảo phù hợp quy mô và sự phát triển của doanh nghiệp, phục vụ nhu cầu thông tin của nhà quản trị. Kiểm soát hệ thống thông tin là kiểm soát quá trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin; đồng thời kiểm soát quá trình lưu trữ và chiết xuất thông tin cho các đối tượng sử dụng đảm bảo tính tin cậy, chính xác, và tính bảo mật.

Về thang đo chất lượng thông tin báo cáo tài chính, dựa vào lý thuyết nền tảng như lý thuyết thông tin bất cân xứng, lý thuyết thông tin hữu ích, tác giả sử dụng các tiêu chí như tính thích hợp, tin cậy, có thể so sánh, kịp thời, dễ hiểu để đo lường chất lượng thông tin BCTC.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Các giả thuyết nghiên cứu gồm

H1: Môi trường pháp lý có mối quan hệ thuận chiều với chất lượng thông tin BCTC

H2: Đặc điểm công nghệ và phần mềm kế toán có mối quan hệ thuận chiều với chất lượng thông tin BCTC

H3: Năng lực nhân viên kế toán có mối quan hệ thuận chiều với chất lượng thông tin BCTC

H4: Tổ chức công tác kế toán có mối quan hệ thuận chiều với chất lượng thông tin BCTC

H5: Kiểm soát nội bộ có mối quan hệ thuận chiều với chất lượng thông tin BCTC

2.3. Phương pháp nghiên cứu

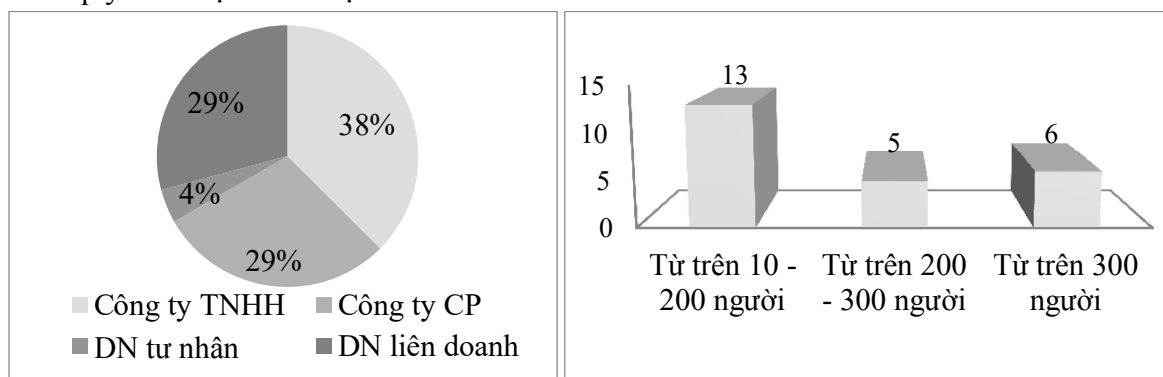
Nghiên cứu được thực hiện thông qua phỏng vấn bằng bảng hỏi nhà quản trị các cấp, kiểm soát, kế toán và nhân viên tại các công ty may trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9/2020. Thang đo đơn hướng được sử dụng là thang đo likert 5 điểm với điểm 1 là rất không tốt và điểm 5 là rất tốt. Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu như: Kiểm định độ tin cậy Cronbach's alpha, Phân tích nhân tố khám phá, Kiểm định tương quan Pearson, Phân tích hồi quy đa biến.

Chọn mẫu: Mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên. Đối với phân tích nhân tố khám phá EFA thì cỡ tối thiểu là gấp 5 lần tổng số biến quan sát trong các thang đo. Bài viết sử dụng bảng hỏi với 35 biến quan sát dùng trong phân tích nhân tố; do vậy, cỡ mẫu tối thiểu cần đạt là: $26 * 5 = 130$ mẫu quan sát. Từ lý do đó, nhóm tác giả tiến hành phát ra là 180 phiếu, kết quả thu về 145 phiếu hợp lệ đưa vào phân tích.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm doanh nghiệp may mặc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Theo Báo cáo của Sở Công thương Thanh Hóa năm 2019, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 24 doanh nghiệp may (trong đó 7 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) đang hoạt động. Đặc điểm các doanh nghiệp may trên địa bàn theo loại hình doanh nghiệp và theo quy mô được minh họa ở biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Đặc điểm các doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu của tác giả

Trong số 24 doanh nghiệp, xét về loại hình, có 9 doanh nghiệp là công ty TNHH chiếm tỷ lệ 37,5%; 07 doanh nghiệp là công ty cổ phần chiếm tỷ lệ 29,2%; 07 doanh nghiệp là doanh nghiệp liên doanh chiếm tỷ lệ là 29,2%, 01 doanh nghiệp là doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ 4,1%. Về quy mô doanh nghiệp, trong tổng số 24 doanh nghiệp, có 13 doanh nghiệp quy mô nhỏ (theo tiêu chí về lao động) chiếm tỷ trọng 54,2%, 05 doanh nghiệp quy mô vừa chiếm tỷ trọng 20,8% và 06 doanh nghiệp quy mô lớn chiếm tỷ trọng 25%.

3.2. Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach Alpha

Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach Alpha các nhân tố trong mô hình được trình bày ở bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Kiểm định Cronbach's Alpha của các biến

Biến	Các nhân tố chính	Cronbach's Alpha
Môi trường pháp lý	MTPL1, MTPL2, MPTL3, MPTL4	0,846
Đặc điểm công nghệ và phần mềm kế toán	PMKT1, PMKT2, PMKT3, PMKT4	0,855
Năng lực nhân viên kế toán	NVKT1, NVKT2, NVKT3, NVKT4	0,879
Tổ chức công tác kế toán	TCKT1, TCKT2, TCKT3, TCKT4, TCKT5	0,802
Kiểm soát nội bộ	KSNB1, KSNB2, KSNB3, KSNB4	0,812
Chất lượng thông tin BCTC	CL1, CL2, CL3, CL4, CL5	0,823

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu của tác giả

3.3. Phân tích nhân tố khám phá

Sau khi kiểm định độ tin cậy của thang đo, phép trích nhân tố được sử dụng là Principal Component với phép quay không vuông góc Varimax. Kết quả phân tích EFA có hệ số KMO = 0,866 với giá trị kiểm định Bartlett có ý nghĩa ($\text{sig} < 0,05$), do vậy dữ liệu phân tích hoàn toàn phù hợp (Kết quả thể hiện ở bảng 2). Từ bảng trên ta thấy kết quả phân tích về 5 nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ đều phù hợp. Thang đo các nhân tố đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5, tổng hợp ($\text{Eigenvalues} = 1,009$) thỏa mãn điều kiện > 1 ; tổng phương sai trích = 68,522% $> 50\%$ thể hiện các nhân tố giải thích được 68,522% sự biến thiên của dữ liệu.

Bảng 2. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy		,866
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2943,128
	df	190
	Sig.	,000

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu của tác giả

Bảng 3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

	Component					
	1	2	3	4	5	6
MTPL2	,841					
MTPL1	,802					
MTPL3	,778					
MTPL4	,760					
KSNB4		,832				
KSNB2		,810				
KSNB1		,807				
KSNB3		,789				
CL2			,827			
CL3			,799			
CL1			,783			
CL5			,776			
CL4			,754			
TCKT2				,817		
TCKT3				,809		
TCKT5				,793		
TCKT1				,772		
TCKT4				,756		
NVKT4					,769	
NVKT3					,762	
NVKT2					,747	
NVKT1					,733	
PMKT2						,755
PMKT1						,741
PMKT4						,728
PMKT3						,719
Tổng phương sai trích (%): 68,522%						

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu của tác giả

3.4. Kiểm định tương quan Pearson

Kiểm định tương quan Pearson nhằm xác định mức độ tương quan giữa biến độc lập với biến phụ thuộc và giữa các biến độc lập với nhau. Qua kết quả ở bảng 4 có thể thấy với mức ý nghĩa 1% các biến độc lập (MTPL, PMKT, NVKT, TCKT, KSNB) đều có quan hệ tương quan với biến phụ thuộc (CL) khi hệ số tương quan Pearson đều lớn 0,3. Bên cạnh đó, giữa các biến độc lập có mối quan hệ tương quan tương đối lớn như biến ĐTC và CPDV, CPDV và SDC, ĐU và SDC do vậy, nghi ngờ có thể xảy ra trường hợp đa cộng tuyến.

Bảng 4. Kết quả kiểm định tương quan Pearson

		MTPL	PMKT	NVKT	TCKT	KSNB	CL
MTPL	Pearson Correlation	1	,124**	,036**	,212**	,078**	,423**
	Sig. (2-tailed)		,000	,000	,000	,000	,000
	N	145	145	145	145	145	145
PMKT	Pearson Correlation	,124*	1	,114**	,207**	,004**	,336**
	Sig. (2-tailed)	,000		,000	,000	,002	,000
	N	145	145	145	145	145	145
NVKT	Pearson Correlation	,036**	,114**	1	,218**	,178**	,354**
	Sig. (2-tailed)	,000	,000		,000	,000	,000
	N	145	145	145	145	145	145
TCKT	Pearson Correlation	,212**	,207**	,218**	1	,286**	,426**
	Sig. (2-tailed)	,000	,000	,000		,000	,000
	N	145	145	145	145	145	145
KSNB	Pearson Correlation	,078**	,004**	,178**	,286**	1	,377**
	Sig. (2-tailed)	,000	,002	,000	,000		,000
	N	145	145	145	145	145	145
CL	Pearson Correlation	,423**	,336**	,354**	,426**	,377**	1
	Sig. (2-tailed)	,000	,000	,000	,000	,000	
	N	145	145	145	145	145	145

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu của tác giả

3.5. Phương trình hồi quy đa biến

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến chất lượng thông tin BCTC, tác giả sử dụng mô hình hồi quy đa biến. Trong mô hình đa biến, biến độc lập gồm 5 nhân tố: môi trường pháp lý, đặc điểm công nghệ và phần mềm kế toán; năng lực nhân viên kế toán, tổ chức công tác kế toán và kiểm soát nội bộ; và biến phụ thuộc là chất lượng thông tin BCTC. Sau khi chạy phần mềm SPSS 22.0 cho kết quả tại bảng 5.

Bảng 5. Kiểm định sự phù hợp của mô hình

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	,832 ^a	,692	,687	,154	1,688
a. Predictors: (Constant), MTPL, PMKT, NVKT, TCKT, KSNB					
b. Dependent Variable: CL					

Kết quả nhận được cho thấy mức ý nghĩa Sig = 0,000 nhỏ hơn 5% và hệ số xác định $R^2 = 0,692$ (R^2 điều chỉnh = 0,687) chứng minh cho sự phù hợp của mô hình, tức có trên 50% sự hài lòng của hộ nông dân được giải thích bởi 5 biến trên. Hệ số Durbin-Watson = 1,688(>1) cho biết không có hiện tượng tự tương quan giữa các biến.

Bảng 6. Kết quả phân tích mô hình hồi quy đa biến

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	Sig	Collinearity Statistics	Collinearity Statistics
	B	Std. Error	Beta		Tolerance	VIF
(Constant)	,122	,223				
MTPL	,258	,058	,305	,000	,658	1,456
PMKT	,219	,056	,244	,000	,671	1,332
NVKT	,224	,055	,265	,000	,735	1,406
TCKT	,262	,034	,332	,000	,744	1,421
KSNB	,196	,055	,187	,005	,702	1,508

Ta có phương trình hồi quy như sau:

$$Y = 0,305 \text{ MTPL} + 0,244 \text{ PMKT} + 0,265 \text{ NVKT} + 0,332 \text{ TCKT} + 0,187 \text{ KSNB} + u$$

Như vậy, theo phương trình trên tất cả 5 nhân tố được lựa chọn đều chất lượng thông tin báo cáo tài chính của các doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Mức độ quan trọng của từng yếu tố tùy thuộc vào hệ số Beta đã chuẩn hóa (xét về giá trị tuyệt đối của hệ số), hay nhân tố nào có hệ số Beta đã chuẩn hóa lớn thì tác động mạnh đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính. Kết quả cũng cho thấy giá trị sig của các nhân tố đều rất nhỏ ($< 0,05$); hệ số phóng đại VIF nằm trong điều kiện cho phép ($VIF < 2$), điều này chứng tỏ khả năng xảy ra đa cộng tuyến giữa các biến độc lập là rất thấp.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng Giả thuyết H_1 , H_2 , H_3 , H_4 , H_5 được chấp nhận tức là các yếu tố môi trường pháp lý, đặc điểm công nghệ và phần mềm kế toán, năng lực nhân viên kế toán, tổ chức công tác kế toán và kiểm soát đều có tác động cùng chiều đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính của doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong đó, nhân tố tổ chức công tác kế toán có tác động mạnh nhất đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính, điều này cho thấy tổ chức công tác kế toán hiệu quả từ tổ chức bộ máy, chứng từ, tài khoản kế toán sẽ giúp nâng cao chất lượng thông tin BCTC. Tiếp đến, nhân tố môi trường pháp lý có ảnh hưởng tương đối mạnh đến chất lượng thông tin BCTC. Thực tế hiện nay các quy định về kế toán, thuế, quy định về công bố thông tin tài chính ảnh hưởng mạnh đến việc tổ chức công tác kế toán và chất lượng thông tin BCTC. Nhân tố năng lực nhân viên kế toán, đặc điểm công nghệ và phần mềm có tác động khá tương đồng đến chất lượng thông tin BCTC. Nhân tố kiểm soát nội bộ có tác động ít nhất đến chất lượng thông tin BCTC của các doanh nghiệp may mặc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Như vậy, để nâng cao chất lượng thông tin BCTC, các doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cần chú trọng đến việc tổ chức công tác kế toán; năng lực nhân viên kế toán, đặc điểm công nghệ và phần mềm kế toán và kiểm soát nội bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Anh Kiệt, Lê Thị Bích (2020), Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí công thương*, số tháng 1/2020.

- [2] Douppnik, T.S, Salter, S.B (1992), An Empirical test of a Judgemental International Classification of Financial Reporting Practices, *Journal of International Business Studies*, Vol 24, pp.41-60.
- [3] Geert Braam, Ferdy van Beest (2013), Conceptually Based Financial Reporting Quality Assessment, *An Empirical Analysis on Quality Differences Between UK Annual Reports and US 10-K Reports*.
- [4] Hari Setiyawati (2013), The effect of Internal accountants' competence, manager commitment to organization and the implementation of the internal control system on the quality of Financial Reporting, *International Journal of Business and Management Invention*, Vol 2(11), pp.19-29
- [5] Healy, P.M & Palepu, K.G (2001), Information asymmetry, corporate disclosure, and the capital markets: A review of the empirical disclosure literature, *Journal of Accounting and Economics*, Vol.31(1-3), pp.405-440.
- [6] Đặng Thị Kiều Hoa (2016), *Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của Doanh nghiệp vừa và nhỏ - Bằng chứng thực nghiệm tại các Doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Võ Văn Nhị (2013), Một số ý kiến về chất lượng báo cáo tài chính của DNNVV ở Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật*, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, 6(2), 3-12.
- [8] Rapina (2014), Factors Influencing the Quality of Accounting Information System and Its Implications on The Quality of Accounting Information, *Research Journal of Finance and Accounting*, Vol.5, No.2.
- [9] Lê Hoàng Vân Trang, Võ Thị Hiền, Nguyễn Hoàng Thơ (2020), Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh*, Số 15(3), 143-158.

RESEARCH ON FACTORS AFFECTING THE INFORMATION QUALITY OF FINANCIAL STATEMENTS OF GARMENT ENTERPRISES IN THANH HOA PROVINCE

Pham Thi Bich Thu

ABSTRACT

The study is conducted to evaluate the impact of factors on the quality of financial reporting information of garment enterprises in Thanh Hoa province. The study used a combination of criteria for measuring information quality of IASB and FASB such as appropriateness, reliability, comparability, timeliness, and comprehension to measure the

quality of financial statements information in garment enterprises. Through a survey of 145 administrators at all levels, controllers and accountants, the research results confirm the legal environment, technology characteristics and accounting software, the capacity of accountants and accounting organization and internal control all positively affect the information quality of financial statements. In which, the factors of the organization of the accounting work, the factors of the legal environment have the strongest impact on the quality of financial information; followed by the accountant's capacity, technology characteristics and accounting software, and finally the internal control factor.

Keywords: *Factors, the quality information, financial statements, garment enterprises.*

** Ngày nộp bài: 5/1/2021; Ngày gửi phản biện: 8/1/2021; Ngày duyệt đăng: 29/1/2021*